

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY

ĐIỀU CHỈNH PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023 - 2024 (TỪ TUẦN 26)
(Kèm theo kế hoạch PCCM số /KH-PCCM ngày /9/2023)

(Thực hiện từ tuần 26 đến tuần)

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CMĐT	Phân công chuyên môn học kỳ 2, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CD	ĐH					
1	Nguyễn Ngọc Thanh	08/01/1971		X	GD	GDHN 9; GDTC 6A4		2	
2	Lê Nho Tập	29/07/1978		X	CNTT	Tin 6 (4)		4	
3	Nguyễn Thị Hiền	09/08/1976		X	Hoá	KHTN 7 (12); HĐTN, HN 7B2 (3);	TTCM (3); CN 7B2 (4)	22	
4	Nguyễn Thị Thía	27/12/1970		X	TD	GDTC khối 9 (6); GDTC khối 8 (6); GDTC khối 7 (6);	TTND (2)	20	
5	Nguyễn Thị Huyền Lương	08/10/1989	X		Sinh-TD	Sinh 9 (6); KHTN 8_Sinh (12);	CN lớp 6A4 (4)	22	
6	Hà Kiều Oanh	03/02/1996		X	Toán	Toán 8C1; 7B1; 7B2 (12); Nhạc 8C1; 8C2; 8C3 (3); HĐTN, HN 8C1 (3); C.Nghệ 8C2, 8C3 (2);		20	Từ tuần 26 (C.Nghệ 8 1 tiết/tuần)
7	Nguyễn Thị Hồng Thanh	13/04/1984		X	Toán	Toán 7B3 (4); Toán TC toán 9D3 (5); Tin khối 7 (3); HĐTN, HN 7B3 (3); C.Nghệ 8C1 (1);	CN 7B3 (4); Tổ phó (1)	21	Từ tuần 26 (C.Nghệ 8 1 tiết/tuần)
8	Nguyễn Thị Hương Thùy			X	Toán	Toán TC Toán 9D1, 9D2 (10); Toán 6A2 (4); HĐTN, HN 6A2 (3);	CN 6A2 (4); UV CD (1)	22	
9	Hoàng Thị Nghệ	14/07/1990		X	Toán - Tin	Toán 8C2; 8C3 (8); HĐTN, HN 8C3 (3); Tin 8 (3)	CN 8C3 (4); CNTT(2);	20	Con nhỏ dưới 12 tháng tuổi

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ 2, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
10	Đỗ Quỳnh Hương	01/04/1997		X	Vật lý	KHTN 6 (16); Lý 9D3 (2)	CN lớp 6A3 (4);	22	
11	Vũ Thị Hiền				Toán	Toán 6A1, A3 (8); HDTN, HN 6A1(3); HDTN, HN 7B1 (3); Lý 9D1, 9D2 (4); C.Nghệ 9 (3);		21	
12	Nguyễn Văn Tuấn				Hóa	Hóa 9 (6); Nhạc 7 (3); Nhạc khối 6 (4); GDTC 6A1, 6A2, 6A3 (6)		19	
13	Trần Thị Quỳnh	13/03/1988			Toán	C.Nghệ 6 (4); C.Nghệ 7 (3); Toán 6A4 (4); HDTN, HN 6A3 (3); HDTN, HN 6A4 (3)		17	
14	Đỗ Thị Tuyết Lan	25/10/1972		X	GD CD, (S-H-Đ)	LS-ĐL 6_Địa (6); khối 7 (4,5); khối 8 (4,5); Địa khối 9 (3); GDĐP 7B1;7B2, 7B3 (3)		21	
15	Nguyễn Thị Lan	30/09/1973		X	Ngữ văn	Văn, TC Văn 9D3 (6); Văn 7B3 (4); Sử 9 (6); NGLL (0,5);	CN 9D3 (4); TTCM (3)	23,5	
16	Nguyễn Thị Thu Hà	23/09/1984		X	Ngữ văn	Văn 6A1 (4); Văn 8C1 (4); GD CD khối 8 (3); GD CD 6A1, 6A2, 6A3, 6A4 (4);	CN 6A1 (4); TKHĐ (2)	21	
17	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/11/1980		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D1 (6); Văn 6A2 (4); GD CD 7B1, 7B3, 7B2 (3); LS-ĐL 6_Sử 6A1,6A3,6A4 (4,5); NGLL (0,5); GDĐP 8C1 (1)	CN 9D1 (4);	23	
18	Phạm Thị Tuyết Ngọc	24/01/1975		X	Ngữ văn	Văn 6A3 (4); Văn 7B1 (4); LS-ĐL 7 phân môn Sử (4,5); GD CD khối 9 (3);	CN 7B1 (4); PCTCĐ (3)	22,5	
19	Lê Thị Phụng	15/11/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D2 (6); Văn 7B2 (4); LS-ĐL 8 phân môn Sử (4,5); NGLL (0,5); LS-ĐL 6 phân môn Sử 6A2 (1,5); GDĐP 8C2, 8C3 (2);	CN 9D2 (4);	22,5	

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ 2, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
20	Mạc Thị Duyên			X	Ngữ văn	Văn 8C3 (4); Văn 8C2 (4); Văn 6A4 (4); GDĐP 6A1, 6A2, 6A3,6A4 (4); HĐTN, HN 8C2 (3)	CN 8C2 (4)	23	
21	Nguyễn Thị Thương	28/06/1980		X	Mỹ thuật	MT 6 (4); MT khối 7 (3); MT khối 8 (3); MT khối 9 (3);	TPT (9,5)	22,5	
22	Nguyễn Thế Hoan	16/04/1975		X	T.Anh	T.Anh khối 6 (12); T.Anh khối 7 (9);		21	
23	Hoàng Thị Lan Hương	27/04/1977		X	T.Anh	T.Anh khối 8 (9); T.Anh khối 9 (9);	Tổ phó (1) CN 8C1 (4)	23	

Ghi chú:

BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG